

Số: 36/2023/QĐST-DS

Trà Cú, ngày 16 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 85/2023/TLST-DS, ngày 21 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1960. Địa chỉ: khóm 3, thị trấn Trà C, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Thanh Q, sinh ngày 01/01/1961. Địa chỉ: khóm 3, thị trấn Trà C, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Trần Thu C, sinh ngày 01/01/1963. Địa chỉ: khóm 3, thị trấn Trà C, huyện Trà C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Q, bà C là ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1956. Địa chỉ: số 38, Phan Đình P, khóm 2, phường 7, thành phố Trà V, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 28/6/2023).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Tiến L là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Thanh Q và bà Trần Thu C thống nhất thoả thuận là ông Trần Thanh Q, bà Trần Thu C còn nợ và đồng ý trả cho bà Trương Thị Đ số tiền bằng 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, bà Đ không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về thời gian địa điểm giao trả: Các bên đương sự thống nhất giao cho cơ quan Chi cục thi hành án dân sự tổ chức thi hành.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 5.000.000 (Năm triệu) đồng, như vậy:

+ Bà Trương Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng nhưng bà Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nêu trên.

+ Ông Trần Thanh Q và bà Trần Thu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng nhưng ông Q và bà C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Hoàng Phúc